

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Mai Khoa

2. Bà Đinh Thị Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Lan Đ**, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Hoàng Đức T**, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Lan Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Đức T kết hôn vào năm 1984, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ

chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn X, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng). Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 1986 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T rượu chè, cờ bạc và thường xuyên đánh đập, chửi bới bà. Vì không chấp nhận được người chồng bạo lực như vậy nên bà đã chuyển về nhà cha mẹ ở thôn D, xã L (nay là thôn T, xã L), huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ở cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không qua lại, không có bất kỳ liên quan gì đến cuộc sống của nhau, ông T không lui tới thăm con, không chu cấp tiền bạc để bà nuôi con. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn do thời gian sống ly thân quá lâu, không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Yến Uyên T1, sinh ngày 25/8/1985 (con đã thành niên) nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ làm cho vụ án kéo dài thời gian giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Lan Đ, cho bà Đỗ Lan Đ được ly hôn với ông Hoàng Đức T.

Về con chung: Con chung Hoàng Yến Uyên T1, sinh ngày 25/8/1985 đã thành niên nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đỗ Lan Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Đức T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan

hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn ông Hoàng Đức T hiện cư trú tại thôn G, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Đỗ Lan Đ và ông Hoàng Đức T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 06/01/1984, theo trích lục kết hôn số 217/TLKH-BS ngày 18/5/2022, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hợp pháp. Cuộc sống chung giữa bà Đ và ông T xảy ra mâu thuẫn sau hai năm kết hôn, nguyên nhân theo bà Đ trình bày là do ông T rượu chè, cờ bạc và thường xuyên đánh đập, chửi bới bà Đ, từ năm 1986 cho đến nay bà Đ và ông T đã sống ly thân, không còn bất cứ liên quan gì đến nhau. Nay bà Đ xác định thời gian vợ chồng ly thân đã quá lâu, không còn tình cảm gì đối với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không có thiện chí mong muốn đoàn tụ với bà Đ thể hiện ông không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ, không đến Tòa án để được hòa giải dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Như vậy, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Đỗ Lan Đ.

[4] *Về con chung:* Bà Đ và ông T có 01 con chung tên là Hoàng Yến Uyên T1, sinh ngày 25/8/1985, con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Lan Đ về việc “Ly hôn” đối với ông Hoàng Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Lan Đ được ly hôn với ông Hoàng Đức T.

2. Về án phí: Buộc bà Đỗ Lan Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0007622 ngày 16/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Đỗ Lan Đ đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 108 ngày 06/01/1984);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng